

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 11 - 2021

V/v xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Th, sinh năm 1993; HKTT: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: khu phố Bình Phước A, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hùng D, sinh năm 1985; HKTT: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: khu phố Bình Phước A, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Th trình bày: Bà Vi Thị Th và ông Lê Hùng D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2009, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 12 tháng 3 năm 2012. Bà và ông D sống hạnh phúc được thời gian rất ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, ông D thường xuyên nhậu say, đánh đập bà Th. Vì hạnh phúc gia đình, bà Th đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể. Do mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 8/2009 bà Th trốn vào Bình Dương sinh sống, sau đó ông D cũng vào Bình Dương và xin lỗi, bà Th đồng ý để hàn gắn. Đến năm 2011, khi bà sinh đứa con trai, nghĩ rằng ông D sửa đổi nhưng ông D vẫn tiếp tục không lo làm ăn,

nhậu say về chửi và đánh bà Th. Do không thể tiếp tục sống chung nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà Th nhận thấy tình cảm dành cho ông D không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Lê Hùng Đ, sinh ngày 19/3/2011. Bà Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo ý kiến, yêu cầu của mình, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục); giấy khai sinh cháu Lê Hùng Đ (bản trích lục).

* Đối với bị đơn ông Lê Hùng D: Ông D đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng. Về mặt nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Th và ông D đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung là cháu Lê Hùng Đ giao cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con bà Th không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Vi Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Hùng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2009, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 12 tháng 3 năm 2012 là đúng quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà Th cho rằng sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng sống tại Thanh Hóa, được một thời gian ngắn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, ông D không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về chửi và đánh bà Th. Do không thể tiếp tục sống chung nhau nên tháng 8/2009 bà Th vào Bình Dương sinh sống, sau đó ông D tìm bà Th mong muốn hàn gắn, bà Th đã cho ông D cơ hội. Tuy nhiên, năm 2011 khi bà sinh con thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, ông D vẫn không lo làm ăn mà hay nhậu say chửi và đánh bà Th, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm gì đến ai, tình cảm của bà dành cho ông D không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Xét thấy, trong hôn nhân vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, xung đột nhưng vợ chồng phải tìm cách giải quyết, hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông D về nội dung yêu cầu của bà Th, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng ông D vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, chứng tỏ ông D không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà Th và ông D đã đến mức trầm trọng, vợ chồng bà Th, ông D đã sống ly thân hơn 05 năm, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà Th yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Th khai có 01 con chung tên Lê Hùng Đ, sinh ngày 19/3/2011. Bà Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết ông D không có bất kỳ ý kiến nào, hiện nay cháu Đ đang sống cùng bà Th và có nguyện vọng được sống cùng bà Th. Do đó, giao cháu Lê Hùng Đ cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

- Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Lê Hùng Đ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị Th đối với bị đơn ông Lê Hùng Đ về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị Th được ly hôn với ông Lê Hùng Đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Vi Thị Th và ông Lê Hùng Đ ngày 12/3/2012 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hùng Đ, sinh ngày 19/3/2011 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Đ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vi Thị Th phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số AA/2016-0053746 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh